TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hường, bà Hoàng Thảo Yến

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Vân Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nam Thắng, sinh năm 1969; có mặt
HKTT: khu X, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh
Nơi cư trú: khu Y, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh
2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Hồng, sinh năm 1971; có đơn xin xét xử vắng mặt
HKTT: khu Y, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Nam T trình bày: Ông và bà Ngô Thị H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 10/4/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng nhau tại địa chỉ khu Y, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bà H không quan tâm tới gia đình, hay vay mượn tiền nong của mọi người khiến cho ông T thường xuyên phải trả nợ thay. Vợ chồng ông bà ly thân từ tháng 7/2022 tới nay. Hiện ông T đang ở cùng con gái, còn bà H đi đâu, làm gì ông không rõ, bà H cũng không liên lạc về nhà. Nay xét thấy hai vợ chồng đã không còn tình cảm, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 08/02/2007. Hiện nay cháu Q đang ở với ông T tại khu X, phường Đ, thành phố B. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi cháu Quỳnh. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ: Không có và không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo bản làm việc tại Toà án, bà H trình bày: Bà và ông Nguyễn Nam T đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai ông bà đã được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại khu X, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2022. Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 08/02/2007. Hiện nay cháu Q đang ở cùng ông T. Khi ly hôn, bà đề nghị giao cháu Q cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có và không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Nam T, xử cho ông Nguyễn Nam T được ly hôn bà Ngô Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy Q cho ông T nuôi dưỡng. Bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa hai đương sự là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Ngô Thị H có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, hiện chưa có thay đổi gì khác. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H vẫn đăng kí HKTT tại thành phố B, có mặt tham gia lấy lời khai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Ngô Thị H đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập ý kiến của Hội Phụ nữ phường Đáp Cầu. Theo đó, trong trường hợp các bên đương sự không hòa giải để về đoàn

tụ với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà H. Đối với cháu Q đã lớn nên đề nghị thu thập ý kiến của cháu về vấn đề người trực tiếp cấp dưỡng, nuôi con chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên toà, không đưa ra yêu cầu phản tố hay chứng cứ nào nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nam T kết hôn với bà Ngô Thị H ngày 10/4/2007. Trước khi kết hôn, ông T, bà H đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Kể từ thời điểm năm 2021, ông T và bà H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H không quan tâm tới gia đình, từ đó dần dẫn tới bất đồng quan điểm. Từ tháng 7/2022, hai vợ chồng ông bà chính thức sống ly thân. Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, bà H vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H cũng đồng ý ly hôn mà không muốn tiến hành hàn gắn quan hệ vợ chồng nữa. Do vậy cần xử cho ông T được ly hôn bà H là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 08/02/2007. Hiện nay cháu đang ở cùng ông T. Tại phiên tòa, ông T xin được nuôi con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông. Trong các lời khai tại Tòa án, bà H có nguyện vọng để ông T nuôi con và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy cháu Q hiện tại đang sinh sống ổn định cùng bố; bản thân ông T có đủ điều kiện chăm sóc con cái, do vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu cũng như ổn định về cuộc sống, sinh hoạt cũng như việc học tập của cháu thì cần giao cháu Q cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, cũng như có thể đảm bảo về quyền, lợi ích và sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Xét các yêu cầu của ông T là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản, công nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Nam T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Nam T. Ông Nguyễn Nam T được ly hôn bà Ngô Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 08/02/2007 cho ông Nguyễn Nam T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Nam T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000256 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Minh Trang